

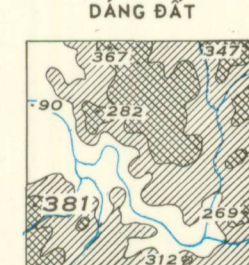
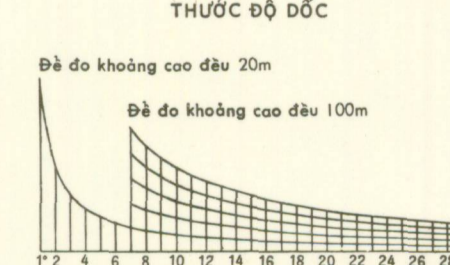


PH. BAN NAI & K. M.
CỤC BẢN ĐỒ - BỘ TỔNG THAM MƯU - Q. Đ. N. D. V. N.
Tài bản lần thứ nhất tại Bộ Lgt thông 9 năm 1989 theo tài liệu:
1. 1:50.000 U.T.M. in năm 1969
2. Ranh giới hành chính địa danh chính lý theo tài liệu Q.K. 5 năm 1981
3. Đường số theo bản đồ 1:500.000 Giao thông in năm 1988
Chú ý: Độ cao chưa được kiểm tra ở thực địa.

ĐỘ LỆCH TỪ NĂM 1970

1:50.000
1cm bằng 500m thực địa

Khoảng cao đều đường bình độ cơ bản là 20m đường bình độ phụ là 10m
E-LIP QUẢ ĐẤT E-VỎ RẾT, CHIẾU HÌNH U.T.M., MŨI 48
GÓC ĐẠI ĐỊA AN ĐỘ 1960. GÓC ĐỘ CAO HÀ TIÊN



DIẠ GIỚI (Boundary) and BẢNG CHẤP (Index) tables.

VIỆT NAM	T. Gia Lai Kon Tum	H. Sa Thầy	H. Chư Phah
6437 III	6437 III	6537 III	
6436 IV	6436 IV	6536 IV	
6436 III	6436 III	6536 III	

PH. BÀ KHẨM 6436 I

Legend for the map, including symbols for roads, rivers, buildings, and other features.

- Đường sắt rộng 1m
- Đường sắt rộng 1m và 1m45
- Đường gang, đường xe điện
- Đường sắt đường lam hoặc bạc ray
- Đường lán
- Đường sắt và nhà ga
- Đường ra trong ga
- Đường ô tô lớn
- Đường quốc-lô, Tân đường, Tỉnh chất rải mặt
- Liên tỉnh lộ, tỉnh lộ, Tân đường, Tỉnh chất rải mặt
- Đường ô tô không rải mặt, Đường rải mặt
- Đường ô tô đường lán
- Đường đất nhỏ
- Đường mòn
- Đường đắp cao, và sùu
- Đê ô tô không rải được
- Biên giới nước, Cột mốc
- Địa giới tỉnh, thành phố
- Địa giới quận, huyện, thị xã
- Địa giới xã, thị trấn
- Các loại ranh giới khác
- Tường và công thành
- Các loại tường vây
- Khu phố nhà gạch
- Khu phố nhà lá
- Khu phố lợp phôi
- Làng, xóm, bản
- Nhà dệt xuất
- Nhà máy có ống khói, không có ống khói
- Ổng khói nhà máy, Trạm khí tượng
- Trạm bưu điện, Trạm thu phát tin hiệu
- Trạm phát điện, biến thế điện, Lò nung
- Tháp, cột cao, Tháp cổ
- Sân vận động, Sân kho hợp tác xã
- Nghĩa trang, nghĩa địa
- Tượng đài, bia Hàng
- Nhà thờ, đình, chùa lớn
- Nhà thờ, đình, chùa nhỏ
- Trường học, Bệnh viện
- Chợ, Lò cốt
- Kho nhiên liệu, Đê độc lập
- Cây độc lập, Đền cây có ý nghĩa phương vị
- Sân bay cấp 1, 2, 3, cấp 4
- Hầm mỏ: Đang khai thác; ngừng khai thác
- Mỏ lộ thiên
- Độ cao: Đã kiểm tra; chưa kiểm tra
- Trụ sở U. B. N. D. xã; thị trấn, huyện; quận; tỉnh, thành phố
- Đường dây điện cao thế
- Đường ống dẫn nước, dầu, khí
- Cống nước, Nguồn nước
- Rừng nước
- Khúc sông chảy ngầm
- Mương đào
- Mương có bờ đắp 2 bên, 1 bên
- Sông hồ có nước quanh năm
- Sông hồ có nước từng mùa
- Độc đồng lán bờ
- Độc đồng xa bờ
- Hướng nước chảy
- Cầu bằng ô tô đi trên
- Cầu đường sắt và đường ô tô đi chung
- Cầu đường sắt và đường ô tô đi sát nhau
- Ngầm ô tô qua được
- Bến phà
- Bến đò
- Thác
- Chánh
- Đập ô tô qua được
- Đập ô tô không qua được
- Ấu thuyền
- Cầu, cống
- Bãi cát, sỏi, cuội
- Bãi bãi
- Bãi đá lóm chòm
- Bờ có ga có
- Ká chắn nước, đê chắn sóng
- Cột tín hiệu, Cầu tàu kiểu đê
- Bến tàu thuyền, chỗ neo
- Đàn bần
- Chỗ tàu đắm
- Xả nước trên mặt nước, Đê ngầm
- Xả lúc nhỏ lên, lúc ngầm, San hô
- Lượng bình độ sâu, Đầm độ sâu
- Rừng già
- Rừng thưa, bụi rậm
- Rừng người trồng cao trên 4m
- Rừng người trồng từ 4m trở xuống
- Rừng lán
- Hoạ màu
- Bãi cát, sỏi trên cạn
- Bãi đá tảng
- Núi đá
- Ve băng đường bình độ
- Ve băng nét chải trung